

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC DÂN TỘC - CHẶNG ĐƯỜNG 60 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Đặt vấn đề

Năm 1953, Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc (GDDT), với tổ chức tiền thân là *Phòng chữ dân tộc* được thành lập trong Trường Sư phạm miền núi Trung ương. 60 năm qua, chức năng, nhiệm vụ, tên gọi của trung tâm thay đổi rất nhiều, khi là cơ quan quản lí nhà nước, khi là cơ quan vừa nghiên cứu vừa quản lí nhà nước; hoặc là trực thuộc trường, có lúc trực thuộc Viện, hay là trực thuộc Bộ. Từ năm 2008, trung tâm chuyển về, sáp nhập vào Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, theo Quyết định số 191/QĐ-BGDĐT ngày 09/01/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tháng 12 năm 2013, trung tâm đã tổ chức thành công hoạt động kỉ niệm 60 năm trưởng thành và nghiên cứu khoa học GDDT (1953 – 2013). Để tổ chức sự kiện này, trung tâm đã có sự chuẩn bị từ 3 năm trước với đề tài nghiên cứu: *Đánh giá quá trình nghiên cứu khoa học của Trung tâm Nghiên cứu GDDT*.

Ngày 19 tháng 12, tổ chức Hội thảo khoa học tổng kết đánh giá thành tựu nghiên cứu khoa học về GDDT của trung tâm trong 60 năm qua và xác định định hướng nghiên cứu cho giai đoạn mới.

Ngày 20 tháng 12, lễ kỉ niệm được tổ chức long trọng trong niềm hân hoan của các thế hệ nhà giáo, các cán bộ nghiên cứu đã và đang công tác tại trung tâm. GS.TS Phan Văn Kha, Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đã tới dự và chỉ đạo buổi lễ. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Viện, lãnh đạo và chuyên viên các vụ chức năng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các đại biểu đến từ các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức quốc tế, v.v... gắn bó, hợp tác trong 60 năm qua đã đến góp mặt trong sự kiện quan trọng này.

1. Vai trò của công tác giáo dục dân tộc

Những người làm công tác GDDT đều nhận thức rõ dân tộc là một vấn đề lớn trong chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Năm 1945, ngay sau sự kiện ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nha dân tộc thiểu số (DTTS) đã được thành lập để giúp Chính phủ giải quyết mọi vấn đề liên quan đến các DTTS. Tiếp theo đó, Nhà nước Việt Nam đã triệu tập Hội nghị các dân tộc toàn quốc (12/1945) và Hội nghị đại biểu các DTTS khu vực miền Nam (6/1946) để củng cố khối đoàn kết dân tộc trong

cộng đồng quốc gia thống nhất. Trong thư gửi Hội nghị đại biểu các DTTS khu vực miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: *"Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Jrai hay Êđê, Xơđăng hay Bahnar và các DTTS khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau... Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt"* (Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 4, NXB Chính trị quốc gia, H, 1995, tr.217). Từ đó đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán về chính sách dân tộc trên quan điểm đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau và cùng phát triển.

60 năm qua, Trung tâm Nghiên cứu GDDT đều bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, lấy quan điểm của Đảng làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động nghiên cứu:

- GDDT có vị trí quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. Chỉ con đường phát triển giáo dục mới có thể nhanh chóng đưa miền núi và vùng dân tộc thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, giảm dần khoảng cách giữa miền núi, vùng dân tộc với vùng đồng bằng;

- Phát triển mạng lưới trường lớp, ưu tiên phát triển cơ sở giáo dục ở các vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa. Đa dạng hoá các loại hình trường lớp, hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng đa dạng hoá, chuẩn hoá;

- Tạo nguồn đào tạo cán bộ người dân tộc. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo cán bộ ở miền núi, vùng dân tộc, đặc biệt quan tâm đến loại hình trường lớp có nội trú và bán trú: Đối với miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, xoá "điểm trắng" về giáo dục ấp, bản. Mở thêm các trường dân tộc nội trú và các trường bán trú ở cụm xã, các huyện, tạo nguồn cho các trường chuyên nghiệp và đại học để đào tạo cán bộ cho các dân tộc, trước hết là giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lí.

Tạo nguồn đào tạo cán bộ người DTTS vừa là nhiệm vụ trước mắt, vừa là một công việc có tính chiến lược lâu dài. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: *"Thực chất của chính sách dân tộc là vấn đề cán*



bộ dân tộc" và "phải có đội ngũ cán bộ của các dân tộc để có người đảm đương sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống mới xã hội chủ nghĩa về kinh tế, về văn hoá của dân tộc mình. Không có đội ngũ cán bộ dân tộc để làm việc đó thì khó có ai làm thay. Dẫu có người làm thay cũng chưa chắc đã tốt hơn họ".

2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ về giáo dục dân tộc

Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ về GDDT có bề dày lịch sử, đã có những đóng góp quan trọng đối với phát triển giáo dục vùng dân tộc và miền núi trong 60 năm qua.

Một thời gian khá dài, trung tâm có vai trò vừa nghiên cứu vừa chỉ đạo, khoảng cách giữa nghiên cứu và thực tiễn rất gần nhau nên đã tạo ra hiệu quả thiết thực: Nghiên cứu được ứng dụng ngay vào thực tiễn, nghiên cứu được cụ thể hóa thành chính sách, thành luật. Đây là điểm nổi bật của nghiên cứu GDDT. Những chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục vùng dân tộc và miền núi do trung tâm đóng góp đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong phát triển GDDT:

- Góp phần xác định và tường minh những vấn đề về phát triển GDDT. Một số quan điểm về phát triển GDDT hình thành trong giai đoạn trước và được hoàn thiện thêm ở giai đoạn này:

- + GDDT cần phải đi vào từng vùng, từng dân tộc.

- + GDDT phải vừa đảm bảo tạo nguồn đào tạo cán bộ vừa tạo điều kiện từng bước nâng cao trình độ văn hóa cho cộng đồng.

- + Trong phát triển GDDT phải đặc biệt quan tâm đến dạy tiếng Việt, tiếng dân tộc cho học sinh dân tộc (HSĐT);

- Định hình được một số mô hình trường lớp phù hợp cho giáo dục vùng dân tộc:

- + Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung ương, tỉnh, huyện, cụm xã và bán trú.

- + Trường phổ thông có nhiều cấp học.

- + Lớp ghép, lớp nhỏ.

- + GDDT gắn với cộng đồng như: Giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng.

Mô hình trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có nhiều cấp học được khẳng định trong Luật Giáo dục năm 2005 và Điều lệ trường phổ thông;

- Xây dựng những chương trình, nội dung dạy - học; giáo dục kĩ năng sống, hướng nghiệp dạy nghề, tri thức địa phương, văn hóa dân tộc phù hợp với HSĐT;

- Bước đầu tìm ra những giải pháp hợp lí để dạy Tiếng Việt, tiếng dân tộc cho HSĐT và dạy tiếng dân tộc cho cán bộ công chức công tác ở vùng dân tộc;

- Xác lập cách thức, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đặc điểm nghiên cứu giáo dục ở vùng dân tộc:

- + Từ điều tra cơ bản đến xây dựng phương án nghiên cứu.

- + Từ xây dựng chương trình đến thử nghiệm. Từ thử nghiệm đến triển khai đại trà.

- + Kết hợp nghiên cứu với chỉ đạo thực hiện và xây dựng chính sách.

- + Hợp tác trong nghiên cứu GDDT, bao gồm hợp tác với các đơn vị nghiên cứu khoa học giáo dục, nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế;

- Vừa nghiên cứu vừa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu về GDDT cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu.

Nghiên cứu GDDT đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội: Các đề tài nghiên cứu về GDDT không chỉ có giá trị về mặt khoa học mà còn đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Các sản phẩm khoa học có giá trị, được ứng dụng vào thực tế và trở thành chính sách phát triển GDDT.

Đến nay, Trung tâm Nghiên cứu GDDT vẫn là cơ quan nghiên cứu duy nhất và hàng đầu về công tác phát triển GDDT và miền núi trong cả nước.

Trong lĩnh vực hợp tác nghiên cứu với các cơ quan trung ương, địa phương và các tổ chức quốc tế, trung tâm đã tích cực khai thác với các hình thức dự án, đề tài nghiên cứu hợp tác với các tổ chức quốc tế. Thông qua việc hợp tác này, trung tâm đã giải quyết được một số vấn đề liên quan tới sự phát triển của GDDT, góp phần phát triển số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc:

- Phát triển các hình thức dạy học (lớp ghép);

- Đưa giáo dục tới cho các đối tượng chịu nhiều thiệt thòi (trẻ em gái, phụ nữ...);

- Đáp ứng được nhu cầu học tiếng mẹ đẻ của đồng bào dân tộc;

- Tổ chức và thực hiện Dự án Giáo dục Bạn hữu trẻ em ở 17 tỉnh trên cả nước. Tổng kết mô hình, đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chỉ thị 40/BGD-ĐT về xây dựng trường học thân thiện;

- Biên soạn các tài liệu về phương pháp dạy học tiếng Việt cho HSĐT;

- Xây dựng Chương trình và tài liệu song ngữ, v.v...

Thông qua sự hợp tác, các cán bộ của địa phương, các trí thức dân tộc được trưởng thành thêm, các công trình nghiên cứu của trung tâm được ứng dụng vào thực tiễn.

Trung tâm cũng đã làm tốt công tác đào tạo và bồi dưỡng như: Tham gia đào tạo cao học, nghiên cứu sinh, cán bộ quản lí các trường phổ thông dân tộc nội trú và nhiều cán bộ quản lí giáo dục khác; tổ

chức bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên sư phạm, giáo viên mầm non, tiểu học về giáo dục lớp ghép, giáo dục trẻ em gái, dạy tiếng Việt, tiếng dân tộc; xây dựng môi trường học tập bạn hữu, phòng tránh bom mìn và tai nạn thương tích, giáo dục song ngữ, v.v...

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức của trung tâm là yếu tố then chốt, quyết định chất lượng nghiên cứu luôn được các thế hệ lãnh đạo trung tâm quan tâm đặc biệt. 60 năm qua, trung tâm luôn là một khối đoàn kết nhất trí, biết phối hợp lực lượng, kế thừa được thành quả nghiên cứu của các thế hệ đi trước.

Cống hiến của các thế hệ lãnh đạo và cán bộ nghiên cứu của trung tâm luôn được Đảng và Nhà nước ghi nhận xứng đáng:

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng: Đã có nhiều thành tích thực hiện nhiệm vụ GDDT giai đoạn 1986 – 2008;

- Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào hoạt động công đoàn nhiệm kỳ 2000;

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2001 tặng: Đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc;

- Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương tặng: Chi bộ đã có thành tích xuất sắc trong công tác 5 năm 2002 – 2006;

- Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương tặng: Chi bộ đạt thành tích trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm 2004 – 2008;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng: Tập thể lao động xuất sắc năm 2004;

- Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào hoạt động công đoàn nhiệm kỳ 2004 – 2007;

- Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tặng: Đơn vị xuất sắc năm 2009;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng: Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2006 – 2010;

- Và nhiều bằng khen các loại của các cá nhân xuất sắc.

Trong dịp kỷ niệm 60 năm trường thành và nghiên cứu khoa học, trung tâm được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen (số 5873) ngày 13/12/2013: Đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển giai đoạn 1953 - 2013.

Trong quá trình 60 năm hoạt động và phát triển, trung tâm rút ra những bài học kinh nghiệm quý để

tiếp tục hoàn thiện và phát triển theo yêu cầu của giai đoạn mới:

- Nắm vững thực tiễn giáo dục vùng dân tộc, phát hiện điển hình, coi trọng việc đúc rút kinh nghiệm, tập trung nghiên cứu, tháo gỡ khó khăn tìm ra hướng đi phù hợp;

- Tôn trọng tính đặc thù của từng vùng, từng dân tộc để xác định các mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp;

- Tăng cường hợp tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ;

- Tăng cường tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cộng đồng tham gia các hoạt động phát triển giáo dục;

- Tập hợp trí tuệ chuyên gia để xây dựng sự nghiệp GDDT.

3. ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÙNG GIÁO DỤC DÂN TỘC

Cùng với giáo dục cả nước, GDDT đang đứng trước những thách thức mới, thực hiện “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Phát triển giáo dục vùng dân tộc không chỉ nhằm thực hiện mục tiêu trên mà còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, nguồn cán bộ người dân tộc; bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc.

Nghiên cứu cơ bản về GDDT

- Tổng kết kinh nghiệm, từng bước phát triển và hoàn thiện hệ thống lí luận GDDT ở Việt Nam;

- Nghiên cứu tâm, sinh lí HSĐT; nghiên cứu xây dựng mô hình nhân cách và năng lực của HSĐT trong thời đại mới.

Các nghiên cứu ứng dụng triển khai

- Nghiên cứu về chiến lược phát triển và chính sách GDDT;

- Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lí giáo dục ở vùng dân tộc;

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu hoàn thiện mô hình trường, lớp vùng dân tộc, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Nghiên cứu về thực hiện chương trình nội dung phương pháp giáo dục vùng dân tộc:

+ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu để xuất chương trình, nội dung và phương pháp dạy học ở vùng dân tộc sau 2015 với hai mũi nhọn là dạy tiếng Việt và dạy tiếng dân tộc cho HSĐT theo hướng đi sâu hơn nữa vào việc nghiên cứu ngôn ngữ của cộng đồng, ngôn ngữ thiểu số, tâm lí HSĐT, văn hóa tộc người, lí thuyết dạy tiếng hiện đại, bám sát



thực tiễn phát triển ở vùng dân tộc, kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu đáp ứng và nghiên cứu cơ bản.

+ Nghiên cứu khả năng tiếng Việt của HSĐT trước tuổi đến trường và phương pháp dạy tiếng Việt cho HSĐT từ cấp học mầm non đến trung học, đề xuất các giải pháp khắc phục rào cản về ngôn ngữ tiếng Việt cho HSĐT.

+ Nghiên cứu về dạy tiếng dân tộc cho HSĐT và dạy tiếng dân tộc cho cán bộ công chức công tác ở vùng dân tộc;

- Nghiên cứu về chất lượng và hiệu quả giáo dục vùng dân tộc;

- Nghiên cứu về công bằng xã hội trong giáo dục vùng dân tộc;

- Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu quốc tế về GDDT trong giai đoạn tới;

+ Hợp tác nghiên cứu về giáo dục song ngữ, đa ngữ (với những dân tộc có chữ viết, sinh sống tập trung).

+ Hợp tác nghiên cứu các lĩnh vực khác liên quan tới GDDT.

Kết luận

60 năm phát triển và trưởng thành, Trung tâm

Nghiên cứu GDDT đã tạo ra một bề dày kinh nghiệm và thành quả đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp phát triển giáo dục ở vùng DTTS nói riêng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc nói chung.

SUMMARY

Education for Ethnic Minority deals with new challenges in the plan "Radical and Comprehensive Renovation of Education and Training, meeting the requirements of industrialization and modernization in the context of market economy towards socialist orientation and international integration". During 60 years of establishment and development, the Center for Ethnic Minority Education has made considerable contributions to the cause of education development in the ethnic minority areas and needs to develop economy and society in mountainous areas as well. The article refers to contents: 1/ The role of education and training; 2/ Scientific research and industry in terms of education and training; 3/The radical and comprehensive renovation of Vietnamese education and training.

QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHUẨN... (Tiếp theo trang 16)**TÀI LIỆU THAM KHẢO****Tiếng Việt**

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

2. Ban chỉ đạo Đổi mới chương trình, sách giáo khoa sau năm 2015 (2013), *Dự thảo đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa sau năm 2015.*

3. Đinh Quang Báo (2013), *Mục tiêu và chuẩn trong chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.* KI yếu hội thảo quốc gia Mục tiêu và chuẩn giáo dục phổ thông, ngày 15 tháng 8 năm 2013.

Tiếng Anh

1. Assesment Glossary

2. Education – Lifelong Learning and the Knowledge Economy: Key Competencies for the Knowledge Society. In: *Proceedings of the DeSeCo Symposium, Stuttgart, October 10–11, 2002.* Stuttgart, 2002.

3. T. Lobanova, Yu. Shunin (2008), *Compence-based education - A common European strategy.* In: *Computer Modelling and New Technologies*, 2008, Vol.12, No.2, 45–65

4. PIAAC Expert Group in Problem Solving in

Technology- Rich Environments (2009), "PIAAC Problem Solving in Technology-Rich Environments: A Conceptual Framework", OECD Education Working Papers, No. 36, OECD Publishing. <http://dx.doi.org/10.1787/220262483674>

5. South African Qualifications Authority 2005, *Developing Learning Programmes for NQF-registered Qualifications and Unit Standards*, Published by SAQA under the SESD Programme

SUMMARY

In the process of developing general curriculum based on competency, we have to develop assessment standards of competency, specific output standards of curriculum, to ensure exactly competent levels of students. The process to develop competent assessment standards according to 'top-down design and bottom-up adjustment' with 6 basic steps: 1/to analyse objective and curriculum output standard; 2/ to analyse the context for developing assessment standard; 3/Detailed description of competency; 4/to identify levels of competent implementation; 5/to design tool samples that illustrate each levels; 6/To integrate into curriculum and testing.